

Ninh Mỹ, ngày 14 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2024-2025
(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin chung

Thông tin	Chi tiết
Tên cơ sở giáo dục	Trường THCS Ninh Mỹ
Địa chỉ	Thôn Tân Mỹ, xã Ninh Mỹ
Điện thoại	0834.204.424
Email	thcsninhmy@gmail.com
Cổng thông tin điện tử	https://nbh-thcsninhmy@.edu.viettel.vn

2. Đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên năm học 2024 – 2025

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ ĐT				Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp CBGV		Bồi dưỡng chuyên môn năm 23- 24	Ghi chú
			Th S	ĐH	C Đ	T C	I	II	III	IV	Tốt	Kh á		
	Tổng	24	0	23	0	01	0	15	8	1	23			
I	LDQL	2		2				2			2			
	HT	1		1				1			1		HT	
	Phó HT	1		1				1			1		HT	
II	Chức danh NN chuyên ngành	21		21				13	8		21			
	Toán	5		5				4	1		5		HT	
	Hóa	1		1				1			1		HT	
	Lý - Kỹ	1		1				1			1		HT	
	Sinh – Kỹ NN	1		1					1		1		HT	

	Công dân	1		1				1		1		HT	
	Văn - Lịch sử	1		1				1		1		HT	
	Văn	5		5			5			5		HT	
	Văn - Địa	1		1			1			1		HT	
	Tiếng Anh	2		2			1	1		2		HT	
	GDTC	1		1				1		1		HT	
	Nghệ Thuật	2		2				2		2		HT	
III	Chuyên môn dùng chung	1				1				1			
	Kế toán	1				1				1		HT	

HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Nhân

Ninh Mỹ, ngày 14 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG
Năm học 2024-2025
(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin chung

Thông tin	Chi tiết
Tên cơ sở giáo dục	Trường THCS Ninh Mỹ
Địa chỉ	Thôn Tân Mỹ, xã Ninh Mỹ
Điện thoại	0834.204.424
Email	thcsninhmy@gmail.com
Cổng thông tin điện tử	https://nbh-thcsninhmy@.edu.viettel.vn

2. Cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung năm học 2024 - 2025

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học c sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	1,37
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	3	0,49
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	42,7/ Lớp	
III	Số điểm trường		

IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.506 m ²	27,01
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1800 m ²	4,22
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48 m ²	1,12
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48 m ²	1,12
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	0	0
3	Diện tích thư viện (m ²)	40 m ²	0,1
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	800 m ²	1,87
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	20 m ²	0,04
VI I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	3	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	3	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	2	1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	2	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
2.5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	200	0,46
VI II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	27	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	1/1
2	Cát xét	3	0,3/1
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	10	1/1
5	Thiết bị khác...(Máy in)	3	0,3/1

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x	0	x	0	0,29
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	0
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	0	0
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	0

XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	0
XIX	Tường rào xây	x	0

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA NHÀ TRƯỜNG SỬ DỤNG

Năm học 2024 - 2025

Lớp 6

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Môn (HĐGD)
1.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam	Ngữ văn 6 Tập 1
	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lư, Nguyễn Thanh Tùng	Giáo dục Việt Nam	Ngữ văn 6 Tập 2
2	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm	Toán 6 Tập 1
	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm	Toán 6 Tập 2
3	Tiếng Anh 6 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung- Phan Chí Nghĩa- Vũ Mai Trang- Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam	Tiếng Anh 6 Global Success
4	Cánh diều	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Giáo dục công dân 6
5	Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác (Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên), Phạm Thị Hương, Trần Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Nhi, Trần Ngọc Thắng	Giáo dục Việt Nam	Khoa học tự nhiên 6
6	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam	Lịch sử và Địa lí 6
7	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm, Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung	Đại học Sư phạm	Tin học 6

8	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam	Công nghệ 6
9	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Trịnh Thị Oanh, Cao Sỹ Anh Tùng, Nguyễn Thị Thanh Vân	Giáo dục Việt Nam	Âm nhạc 6
10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Thị Chinh, Phạm Minh Phong (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị May, Đoàn Dũng Sĩ	Giáo dục Việt Nam	Mĩ thuật 6
11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bình, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam	Giáo dục thể chất 6
12	Chân trời sáng tạo	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (Đồng tổng Chủ biên), Vũ Đình Bảy, Trần Thị Quỳnh Trang (Đồng Chủ biên), Trần Minh Hoàng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Trần Bảo Ngọc, Vũ Thanh Thủy, Lại Thị Yến Ngọc, Phạm Đình Văn	Giáo dục Việt Nam	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 6

Lớp 7

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Môn (HDGD)
1	Ngữ Văn 7, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Ngữ Văn
2	Ngữ Văn 7, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Ngữ Văn
3	Toán 7, tập 1 (Cánh diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm	Toán
4	Toán 7, tập 2 (Cánh diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm	Toán
5	Tiếng Anh 7 (Globe success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	Tiếng Anh
6	Giáo dục công dân 7 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	Đại học Huế	Giáo dục công dân
7	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời sáng tạo)	Cao Cự Giác (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Hiệp – Tống Xuân Tám (đồng Chủ biên), Nguyễn Công Chung, Trần Hoàng Dương, Phạm Thị Hương, Phạm Thị Lịch, Trần Thị Kim Ngân ...	Giáo Dục Việt Nam	Khoa học tự nhiên
8	Lịch sử và địa lí 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần LS), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên cấp THCS phần lịch sử), ...Đào Ngọc Hùng (tổng chủ biên xuyên suốt phần địa lí),...	Giáo Dục Việt Nam	Lịch sử và Địa lý
9	Tin học 7 (Cánh diều)	Hồ Sỹ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê.	Đại học sư phạm	Tin học

10	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo Dục Việt Nam	Công Nghệ
11	Âm nhạc 7 (Cánh diều)	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyên.	Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh	Âm Nhạc
12	Mĩ thuật 7 (Cánh diều)	Phạm Văn Tuyên (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Đại học sư phạm	Mỹ Thuật
13	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo Dục Việt Nam	Giáo dục thể chất
14	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo)	Đinh Thị Kim Thoa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên (Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Trần Bảo Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Giáo dục Việt Nam	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp

Lớp 8

TT	Tên sách, bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Môn (HDGD)
1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Ngữ văn 8 Tập 1
	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương.	Giáo dục Việt Nam	Ngữ văn 8 Tập 2
2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam	Lịch sử và Địa lí 8
3	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thuý Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	Đại học Huế	Giáo dục công dân 8
4	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy.	Giáo dục Việt Nam	Tiếng Anh 8
5	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên.	Đại Học Huế	Âm nhạc 8
6	Cánh Diều	Phạm Văn Tuyên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy- Nguyễn Duy Khuê Nguyễn Thị Mỹ - Nguyễn Thị Hồng Thắm	ĐH Sư phạm	Mỹ thuật 8
7	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiên Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm	Toán 8 Tập 1
	Cánh diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiên Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang...	Đại học Sư phạm	Toán 8 Tập 2
8	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Lê Thị Phương, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý, Đào Văn Toàn, Trương Anh Tuấn, Lê	Đại học Sư phạm	Khoa học tự nhiên 8

		Thị Tuyết, Ngô Văn Vụ.		
9	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên) Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Phạm Đăng Hải, Nguyễn Đình Hóa, Nguyễn Nguyên Hương, Nguyễn Thanh Tùng.	Đại học Sư phạm	Tin học 8
10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên) Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên) Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trịnh, Vũ Thị Ngọc Thuý	Giáo dục Việt Nam	Công nghệ 8
11	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên) Hồ Đắc Sơn (Chủ biên) Vũ Tuấn Anh - Nguyễn Xuân Đoàn - Nguyễn Thị Hà - Lê Trường Sơn Trần Hải - Trần Mạnh Hùng - Nguyễn Thành Trung	Giáo dục Việt Nam	Giáo dục thể chất 8
12	Chân trời sáng tạo 2	Đồng chủ biên: Đinh Thị Kim Thoa – Vũ Phương Liên. Tác giả: Mai Thị Phương, Trần Bảo Ngọc, Đông Văn Toàn, Huỳnh Mộng Tuyên	Giáo dục Việt Nam	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 8

Lớp 9

STT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Toán 9, tập 1 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
	Toán 9, tập 2 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
2	Tin học 9 Cánh Diều	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Đình Hoá, Phạm Thị Lan, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Chí Trung.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
3	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Chân trời sáng tạo bản 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh, Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Khoa học tự nhiên 9	Đình Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Oanh,	Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt

	Cánh Diều	Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Lê Mạnh Cường, Phạm Thùy Giang, Vũ Thị Bích Huyền, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Đức Long, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Đinh Trần Phương, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tươi, Dương Bá Vũ, Ngô Văn Vụ.	Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
7	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 9 Cánh Diều	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
10	Giáo dục Công dân 9 Cánh Diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần Văn Thắng.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
11	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12		Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên)	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất

	Mỹ thuật 9 Cánh Diều	kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
--	-------------------------	--	---

HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Nhàn

Ninh Mỹ, ngày 14 tháng 9 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VỀ KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
ĐẦU NĂM HỌC 2024-2025**

(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT)

1. Thông tin chung

Thông tin	Chi tiết
Tên cơ sở giáo dục	Trường THCS Ninh Mỹ
Địa chỉ	Thôn Tân Mỹ, xã Ninh Mỹ
Điện thoại	0834.204.424
Email	thcsninhmy@gmail.com
Cổng thông tin điện tử	https://nbh-thcsninhmy@.edu.viettel.vn

2. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024 - 2025

- Tuyển sinh lớp 6 thời điểm tháng 6/2024 là 121 em/03 lớp.

- Tổng số học sinh toàn trường thời điểm 16/9/2024 năm học 2024-2025

Chuyển đi 04 học sinh lớp 6, lớp 7 chuyển về 02 học sinh, Lớp 8 chuyển đi 1 học sinh, khối 9 HS ổn định.

Nội dung thông tin	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Cộng
Số lớp	3	3	2	2	10
Số học sinh	117	133	93	84	427
Số học sinh lưu ban	0	0	0	0	0
Bình quân học sinh/ lớp	39.0	44.3	46.5	42.0	42.7
Số HS nữ	57	63	45	41	206
Số đội viên	117	133	93	84	427
Số con liệt sĩ	0	0	0	0	0
Số con TB, BB, MSLĐ	0	0	0	0	0
Số con hộ nghèo	0	0	0	0	1
Số con cận nghèo	1	3	1	2	7
Số học sinh khuyết tật hoà nhập	0	0	1	1	2

2. Kết quả giáo dục thực tế năm học 2023 – 2024

a. Kết quả giáo dục đạo đức

*. Đối với khối lớp 6, 7, 8 thực hiện đánh giá theo thông tư 22/2021.

Khối	Tổng số HS	Rèn luyện			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt

		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	131	131	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
7	94	88	93.62%	6	6.38%	0	0.00%	0	0.00%
8	84	83	98.81%	1	1.19%	0	0.00%	0	0.00%
Tổng	309	302	97.73%	7	2.27%	0	0.00%	0	0.00%

* Đối với khối lớp 9 đánh giá theo thông tư 58/2011, thông tư 26/2020.

KHỐI	Tổng số HS	Hạng kiểm							
		Tốt		Khá		Tb		Yếu	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
9	94	92	97.87%	2	2.13%	0	0.00%	0	0.00%
9-BT	02	2	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Tổng	96	94	97.91%	2	2.08%	0	0.00%	0	0.00%

b. Kết quả xếp loại học lực

* Đối với khối lớp 6, 7,8 đánh giá theo thông tư 22/2021.

Khối	Tổng số HS	Kết quả học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
6	131	33	25.19%	62	47.33%	36	27.48%	0	0.00%
7	94	24	25.53%	42	44.68%	28	29.79%	0	0.00%
8	84	22	26.19%	37	44.05%	25	29.76%	0	0.00%
Tổng	309	79	25.57%	141	45.63%	89	28.80%	0	0.00%

* Đối với khối lớp 9 đánh giá theo thông tư 58/2011, thông tư 26/2020.

Khối	Tổng số HS	Học lực							
		Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
9 BT	2	0	0.00%	0	0.00%	2	100.00%	0	0.00%
9	94	28	29.79%	44	46.81%	22	23.40%	0	0.00%
Tổng	96	28	29.16%	44	45.83%	24	25.00%	0	0.00%

+ So với kế hoạch đầu năm tỉ lệ học sinh có học lực giỏi, kết quả học tập tốt đạt kế hoạch đề ra.

Số học sinh 6,7,8 lên lớp thẳng cuối năm học: đạt 100%

Kết quả tốt nghiệp: Học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS là 96/96 đạt 100%.

Kết quả thi vào THPT: Năm học 2023 – 2024 vừa qua tổng số HS lớp 9 thi vào THPT năm học 2024 – 2025 là 77 em. HS đỗ vào trường công lập đạt 84,4 %, trong đó có 04 em đỗ vào THPT chuyên Lương Văn Tụy (01 Toán, 01 Ngữ Văn, 01 Địa, 01 Lịch Sử) tăng 02 em so với năm học trước, điểm trung bình các môn thi xếp 2/11 trường THCS trong Huyện, tăng 02 bậc so với năm học 2022 – 2023. Điểm TB môn thi vào THPT của trường là 19,92 xếp theo thứ tự 15/141 trường THCS toàn tỉnh.

Kết quả các cuộc thi, hội thi:

+ Đối với học sinh:

- HSG các môn văn hóa:

Khối 9: Đội tuyển HSG huyện kết quả có 04 HS đạt giải nhì (01 Vật Lý, 03 Địa) 01 giải 3 (01 Ngữ Văn) 08 giải KK (01 Toán, 01 Lý, 01 Hóa, 02 Sinh, 02 Văn, 01 Địa).
Đội tuyển HSG Tỉnh có 07 HS tham dự, kết quả 02 HS đạt giải nhì (01 Văn, 01 Địa) 03 giải ba (01 Toán, 01 Lý, 01 địa) 01 HS đạt giải KK (01 địa).

Khối 6,7,8: Đội tuyển HSG Huyện có 39 HS tham gia, kết quả 33 HS đạt giải chiếm 84,6%. Trong đó có 01 giải nhất (Địa 8), 05 giải nhì (Toán 6: 01, Toán 8: 01, Văn 8: 02, Lý 8:01), 10 giải 3 (Anh 6: 03, Toán 6: 01, Văn 6: 02, Toán 7: 01, Toán 8: 01, Anh 8: 01, Địa 8: 1) 17 giải KK các môn.

- KĐCL lớp 9: Tổng hợp chung xếp thứ 1/141 trường THCS trong Tỉnh (Toán xếp thứ 1, Anh xếp thứ 3).

- TDTT: Đội tuyển TDTT có 40 giải (19 nhất, 11 nhì, 10 Ba) xếp 1/11 trường THCS trong huyện, tham gia thi Tỉnh có 05 HCD (03 võ cổ truyền, 02 Kalatedo)

- Sáng tạo trẻ: Nhà trường có 01 sản phẩm dự thi STT cấp huyện đạt giải KK.

- Diễn tích cờ lau: Tham gia thi DTCL tại lễ hội HL được BTC trao giải KK.

- Các cuộc thi sân chơi trí tuệ cấp huyện: Violympic Toán Tiếng Việt có 06 giải vàng 10 giải Bạc và 03 giải đồng. Violympic Toán Tiếng Anh có 03 giải Bạc . Violympic Toán – KHTN có 06 giải vàng và 06 giải Bạc. Vioedu tốp 30%. IOE có 01 giải nhất, 10 giải nhì, 8 giải ba và 11 giải KK.

CLB toán tuổi thơ cấp huyện lớp 6,7,8 đạt 02 giải nhì, 03 giải 3 và 04 giải KK.

- Các cuộc thi sân chơi trí tuệ cấp Tỉnh: Violympic Toán Tiếng Việt có 17 giải KK. Violympic Toán Tiếng Anh có 05 giải KK . Violympic Toán – KHTN có 12 giải KK. Vioedu tốp có 01 giải Vàng, 01 giải đồng và 01 giải KK. IOE có 02 giải nhất, 07 giải nhì, 07 giải ba và 04 giải KK.

CLB toán tuổi thơ cấp tỉnh đạt 01 giải 3 và 01 giải KK lớp 6.

- Các cuộc thi sân chơi trí tuệ cấp Quốc gia: Violympic Toán Tiếng Việt có 01 giải Bạc, 02 giải Đồng và 09 giải KK. Violympic Toán – KHTN có 03 giải Bạc 01 giải Đồng. IOE có 01 giải ba và 01 giải KK.

Trường THCS Ninh Mỹ trân trọng báo cáo./

HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Nhân

